TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:146/2023/DS-PT
Ngày: 24-8-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp
Ông Trần Văn Nhum

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 24/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2023/TLPT ngày 07/7/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Khắc M, sinh năm 1968
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969
Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Trần Đức N1, sinh năm 1971
Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Đại diện ủy quyền của ông Trần Đức N1:
Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp 4, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.
Địa chỉ liên hệ: khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Đức N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Thái Khắc M trình bày: Ông M là chủ sử dụng diện tích đất 1651m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 06. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số BA 060876 cho hộ ông Thái Khắc M, bà Nguyễn Thị N. Do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên gia đình Ông M để trống thửa đất trên. Đến năm 2010 khi lên thăm đất thì gia đình Ông M phát hiện phía Đông Bắc của phần đất trên bị ông N1 lấn chiếm khoảng 200m^2. Nay Ông M, bà N yêu cầu buộc ông N1 phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm.

Qua đo đạc thực tế thì ông N1 đã chỉ ranh lấn qua đất của Ông M, bà N là 740m^2 còn Ông M, bà N chỉ ranh qua ông N1 là 71,6m^2 nên đề nghị ông N1 trả lại cho gia đình Ông M, bà N diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm.

Bị đơn là ông Trần Đức N1 trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: Đây là thửa đất do gia đình ông N1 mua lại của ông Nguyễn Công H. Sau đó, ngày 14/11/1996 ông N1 tiến hành xác định ranh giới thực địa. Tại buổi làm việc ngày 14/11/1996 có các bên tham gia gồm mẹ ông N1 là Nguyễn Thị T, đại diện hai hộ giáp ranh là ông Khôi và Ông M, cán bộ địa chính, cán bộ ấp xã. Sự kiện đó cũng đã được ghi lại thành biên bản. Ngày 28/12/1999 diện tích đất này được nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp quyền sử dụng đất số 00520/QSDĐ/945/1999/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp cho hộ ông Trần Đức N1.

Ông M, bà N đã sử dụng đất không đúng ranh giới, lấn sang phần đất của ông N1 khoảng 600m^2, nên ông N1 đề nghị Tòa án buộc Ông M phải trả lại cho ông N1 diện tích 600m^2. Qua đo đạc thực tế là 740m^2 đã lấn chiếm tuân thủ biên bản ranh giới ngày 14/11/1996.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày

Bà N và chồng là ông Thái Khắc M là chủ sử dụng diện tích đất 1651m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 06. Đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ số BA 060876 cho hộ ông Thái Khắc M, bà Nguyễn Thị N.

Đến năm 2010 khi lên thăm đất thì gia đình bà N phát hiện phía Đông Bắc của phần đất trên bị ông N1 lấn chiếm khoảng 200m^2

Nay bà N yêu cầu buộc ông N1 phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm. Qua đo đạc thực tế thì ông N1 đã chỉ ranh lấn qua đất của bà N là 740m^2 còn bà N chỉ ranh qua ông N1 là 71,6m^2 so với Giấy CNQSDĐ đã được cấp cho cả hai bên, nên đề nghị ông N1 trả lại cho gia đình bà N diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm. Ngoài ra bà N không có yêu cầu gì khác và bà N có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khắc M:

Buộc ông Trần Đức N1 phải trả lại ông Thái Khắc M diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm. Vị trí đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 020 ngày 05/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (theo ranh giới đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 060876 vào sổ cấp GCN số CH00451/Đồng Tiến do UBND huyện Đ2 cấp ngày 02/8/2010 cho hộ ông Thái Khắc M và bà Nguyễn Thị N).

Buộc ông Trần Đức N1 phải chặt bỏ 05 cây điều trồng năm 2018 trên phần diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm.

Đối với 01 tường gạch 20 cao 20cm, dài 22m, xây gạch không tô, có cột bê tông do ông Thái Khắc M xây năm 2014 nằm trong 668,4m^2 nên cần giữ nguyên hiện trạng.

2.Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Đức N1:

Buộc ông Thái Khắc M phải trả lại ông Trần Đức N1 diện tích 71,6m^2 đã lấn chiếm (trong đó có 9,1m^2 thuộc hành lang bảo vệ đường điện). Vị trí đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 020 ngày 05/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đức N1 về việc buộc Ông M phải trả lại 740m^2 đã lấn chiếm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 28/4/2023 bị đơn ông Trần Đức N1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đường ranh được xác định như sau: Mốc phía trước: Công nhận mốc phía trước hai bên đồng thuận, không tranh chấp như thể hiện trong Bản trích đo địa chính số 020 ngày 05/9/2022.

Mốc phía sau: Xác định theo sổ đất số 00520/QSDĐ/945/1999/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp cho hộ ông Trần Đức N1 (Cách ranh giới với đất ông Khôi 80m đo theo hành lang đường điện 500kv như trong sơ đồ đất cấp cho ông N1)

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

17/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đức N1 làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Đức N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc đất của các đương sự như sau:

Nguồn gốc thửa đất của Ông M nhận chuyển nhượng của bà H1 năm 1990, khi nhận chuyển nhượng chỉ viết giấy tay, đất thời điểm đó chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Khi mua là đất trống, ranh giới đất một bên của bà H1 là chị gái của ông N1 đã xây bờ tường rào 2m, cách đây đã hơn 20 năm, ranh giới đã ổn định, không thể di dời. Một bên ranh giới là ông N1. Diện tích đất trên năm 1999 được cấp giấy chứng nhận, năm 2010 cấp đổi có diện tích 1651m^2.

Đối với ông Trần Đức N1: Ông N1 mua đất của ông H2 từ năm 1992, đất cũng chưa có giấy CNQSDĐ. Năm 1999, hộ ông N1 được cấp giấy CNQSDĐ lần đầu, diện tích 10.444m^2.

[2.1] Nguyên đơn Ông M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Đức N1 phải trả lại diện tích 668,4 m^2 đã lấn chiếm; còn phía bị đơn ông Trần Đức N1 có yêu cầu phản tố buộc Ông M phải trả lại ông N1 600m^2 qua đo đạc thực tế là 740m^2 đã lấn chiếm theo biên bản ranh giới ngày 14/11/1996.

Xét thấy, năm 1996, bà Nguyễn Thị T (mẹ ông N1); đại diện hai hộ giáp ranh là ông Khôi và Ông M, cán bộ địa chính, cán bộ ấp, xã có lập biên bản ranh giới đối với thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà Tài, sau này bà Tài tặng cho lại ông Trần Đức N1 nội dung thể hiện: "*Phía Tây Bắc giáp đường quốc lộ 14, chiều dài giáp ranh là 76m; phía Đông Nam giáp đường điện 500KV, chiều dài giáp ranh là 76m*". Như vậy, việc thỏa thuận này có lập biên bản, vẽ sơ đồ và có xác nhận của UBND xã Đồng Tâm để xác định ranh giới đất;

Đến năm 1999, sau khi kê khai đất tại đơn đăng ký QSDĐ ông Trần Đức N1 xác định diện tích đất của gia đình là 10.044 m^2, ông Trần Đức N1 cũng đã được cấp Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp QSDĐ số 00520/QSDĐ/945/1999/QĐ-UBND do UBND huyện Đ2 cấp cho hộ ông Trần Đức N1 với diện tích 10.444m^2.

Như vậy, Giấy CNQSDĐ trên đã có ranh giới ngày 14/11/1996 của các bên. Trước khi được cấp Giấy CNQSDĐ, ông N1 cho rằng ông Huynh có lấn chiếm đất của ông N1; ông N1 đã làm đơn khiếu nại và đã được UBND huyện Đ2 và UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại đối với ông N1 với

nội dung bác đơn khiếu nại; đồng thời thu hồi diện tích 561,65m^2; Và từ đó đến nay ông N1 cũng không có khiệu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của UBND tỉnh Bình Phước đối với ông N1.

Đến năm 1999 khi được cấp Giấy CNQSDĐ, ông Trần Đức N1 cũng không khiếu nại gì về việc cấp Giấy CNQSDĐ đối với phần diện tích đất này 10.444m^2.

Ngoài ra, theo hồ sơ cấp đổi Giấy CNQSDĐ của Ông M từ Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp QSDĐ số 000675/QSDĐ/945/1999/QĐ-UBND sang Giấy CNQSDĐ số BA 060876 thì phần diện tích giáp hành lang bảo vệ đường điện giảm từ 11,5m ngang giảm xuống 10,08m ngang. Nên có cơ sở xác định phần diện tích giáp hành lang đường điện trước đây do đo đạc bằng công cụ thô sơ nên có nhầm lẫn về chiều dài các cạnh trong việc cấp Giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, thực tế nhà nước đã đo đạc lại bản đồ chính quy và vị trí được cấp Giấy CNQSDĐ là vị trí căn cứ giao đất cho các bên quản lý, sử dụng;

Qua đo đạc thức tế thì Ông M cắm cọc lấn qua phần đất của ông Trần Đức N1 là 71,6 m^2 (trong đó có 9,1m^2 đất nằm trong hành lang bảo vệ đường điện) nên cần buộc ông Thái Khắc M trả lại cho ông N1 phần diện tích đất này. Đối với phần diện tích đất ông Trần Đức N1 cắm cọc lấn qua phần đất của ông Thái Khắc M 740,4m^2 (trong đó có 58,3m^2 đất nằm trong hành lang bảo vệ đường điện) so với ranh giới đã được cấp Giấy CNQSDĐ của hai hộ, do Ông M chỉ lấn qua 71,6 m^2 nên cần buộc ông Trần Đức N1 phải trả lại ông Thái Khắc M diện tích 668,4 m^2 đã lấn chiếm theo vị trí cả hai bên đóng cọc là phù hợp

Qua kiểm tra thực địa, tại phần diện tích cuối đất cả hai bên chưa xác định được ranh giới của cả hai thể hiện việc Ông M và ông N1 đều cắm cọc phần diện tích đất cho rằng thuộc quyền sử dụng. Qua đo đạc thực tế, phần cọc Ông M cắm cọc lấn qua phần đất của ông N1 là 71,6 m^2 (trong đó có 9,1m^2 đất nằm trong hành lang bảo vệ đường điện) so với ranh giới đã được cấp Giấy CNQSDĐ của hai bên; ông N1 cắm cọc lấn qua phần đất của Ông M 740,4 m^2 (trong đó có 58,3 m^2 đất nằm trong hành lang bảo vệ đường điện) so với ranh giới đã được cấp quyền sử dụng đất của cả hai bên. Việc xác định ranh giới thửa đất được quy định tại Điểm 1.2, khoản 1, Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính như sau*:"Ranh giới thửa đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng, quản lý và chỉnh lý theo kết quả cấp Giấy chứng nhận, bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành, kết quả giải quyết tranh chấp của cấp có thẩm quyền, các quyết định hành chính của cấp có thẩm quyền có liên quan đến ranh giới thửa đất"*.

Bởi vì, trước đây do phần diện tích đất dài, lại nằm sâu dưới dốc nên việc các bên xác định vị trí từ đường điện 500KV lên đường Quốc lộ 14 có sai sót thể hiện ở việc ông N1 và Ông M cùng cắm cọc trụ để xác định vị trí đất khác nhau, trên đất cũng không có mốc giới nào ngăn cách ranh đất của cả hai nên cần buộc cả hai bên tuân thủ đúng hiện trạng ranh giới đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ cho cả hai là

phù hợp.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Thái Khắc M phải trả lại ông N1 71,6m^2 đã lấn chiếm và ông Trần Đức N1 phải trả lại Ông M diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm theo vị trí cả hai bên cắm cọc là phù hợp. Vị trí đất được xác định theo vị trí ranh giới cấp Giấy CNQSDĐ trong bản trích đo địa chính số 020 ngày 05/9/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ2; nên yêu cầu khởi kiện của Ông M là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với 05 cây điều do ông N1 trồng năm 2018 thuộc phần diện tích đất lấn 668,4 m^2 đã lấn chiếm của Ông M nên cần buộc ông N1 chặt bỏ.

Đối với 01 tường gạch 20 cao 20cm, dài 22m, xây gạch không tô, có cột bê tông do Ông M xây năm 2014 nằm trong 668,4m^2 nên cần giữ nguyên hiện trạng.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Đức N1 yêu cầu ông buộc Ông M phải trả lại ông N1 600m^2 qua đo đạc thực tế là 740m^2 đã lấn chiếm tuân thủ biên bản ranh giới ngày 14/11/1996.

Xét, như đã phân tích và nhận định ở phần [2.1] vào năm 1996 giữa bà Nguyễn Thị T mẹ ông N1 đại diện hai hộ giáp ranh là ông Khôi và Ông M, cán bộ địa chính, cán bộ ấp xã có lập biên bản hoạch định ranh giới đối với thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà Tài, sau này tặng cho lại ông Trần Đức N1 nội dung thể hiện: "*Phía Tây Bắc giáp đường quốc lộ 14, chiều dài giáp ranh là 76m; Phía Đông Nam giáp đường điện 500KV, chiều dài giáp ranh là 76m*"

Việc thỏa thuận này có lập biên bản, vẽ sơ đồ và có xác nhận của UBND xã Đồng Tâm. Tuy nhiên văn bản trên chỉ có tính chất tham khảo vì chưa xác định cụ thể diện tích đất. Đến năm 1999, sau khi kê khai đất tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ông Trần Đức N1 xác định diện tích đất của gia đình ông N1 là 10.044m^2, ông N1 cũng đã được cấp GCNQSDĐ vào sổ cấp quyền sử dụng đất số 00520/QSDĐ/945/1999/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp cho hộ ông Trần Đức N1 với diện tích 10.444m^2. Từ năm 1999 đến nay khi được cấp quyền sử dụng đất ông Trần Đức N1 cũng không khiếu nại gì về việc cấp quyền sử dụng đất nên cần buộc các bên tuân thủ ranh giới quyền sử dụng đất được cấp.

Tòa án cấp sơ thẩm qua xem xét chứng cứ và hiện trạng đã chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông N1 buộc Ông M trả lại cho ông N1 phần diện tích 71,6m^2 là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện Ông M có hành vi lấn chiếm đất như là xê dịch ranh giới, mốc ranh theo Nghị định 91/2019 ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận diện tích còn lại của ông N1.

Ngoài ra, qua thu thập tài liệu chứng cứ tại cấp phúc thẩm thì tại Bản án số 04/2008/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ2 về việc ly hôn giữa ông Trần Đức N1 và bà Đinh Thị L. Theo phần quyết định của bản án về chia tài sản chung của ông N1 và bà Lan đối với thửa đất 10.444m^2 thì ông N1 được chia 7.058m^2, bà Lan được chia 3.386m^2. Sau khi bản án có hiệu lực bà Lan

đã thực hiện thủ tục tách thửa thành thửa 204 với diện tích được cấp tăng lên là 3.829m^2 và thực tế hiện nay ông N1 đăng ký theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất để được cấp đổi lại diện tích cũng tăng là 7184,3m^2. Như vậy, diện tích ông N1 tăng so với diện tích được cấp và không bị thiếu.

Hơn nữa, nếu chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn thì hoàn toàn không phù hợp với hình thể thửa đất.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Đức N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 175,176, 185,202 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khắc M:

Buộc ông Trần Đức N1 phải trả lại ông Thái Khắc M diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm. Vị trí đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 020 ngày 05/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (theo ranh giới đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 060876 vào sổ cấp GCN số CH00451/Đồng Tiến do UBND huyện Đ2 cấp ngày 02/8/2010 cho hộ ông Thái Khắc M và bà Nguyễn Thị N).

Buộc ông Trần Đức N1 phải chặt bỏ 05 cây điều trồng năm 2018 trên phần diện tích 668,4m^2 đã lấn chiếm.

Đối với 01 tường gạch 20 cao 20 cm, dài 22m, xây gạch không tô, có cột bê tông do ông Thái Khắc M xây năm 2014 nằm trong 668,4m^2 nên cần giữ nguyên hiện trạng.

2.Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Đức N1.

Buộc ông Thái Khắc M phải trả lại ông Trần Đức N1 diện tích 71,6m^2 đã lấn chiếm (trong đó có 9,1m^2 thuộc hành lang bảo vệ đường điện). Vị trí đất được xác

định theo mảnh trích đo địa chính số 020 ngày 05/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đức N1 về việc buộc Ông M phải trả lại 740m^2 đã lấn chiếm.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Khắc M phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000909, quyển số 0099 ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

Ông Trần Đức N1 phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018839 ngày 08 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ2, tỉnh Bình Phước

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4.Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đức N1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019350 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Đ2;
- Chi cục THADS huyện Đ2;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh